



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Giáo trình

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



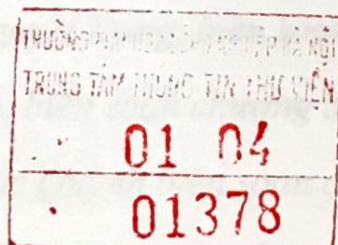
NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Chủ biên: TS. Nguyễn Thị Nguyệt Dung

# Giáo trình NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI



NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ - 2016

## LỜI NÓI ĐẦU

Kiến thức ngân hàng và hoạt động ngân hàng là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình đào tạo sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng. Nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị và nghiệp vụ ngân hàng thương mại, đáp ứng yêu cầu của bạn đọc trong học tập, nghiên cứu và thực tiễn làm việc tại các ngân hàng, Bộ môn Tài chính ngân hàng - Khoa Quản lý kinh doanh - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã biên soạn cuốn giáo trình **Ngân hàng thương mại**.

Những nội dung trong cuốn giáo trình **Ngân hàng thương mại** được trình bày một cách khoa học, có tính tổng hợp cao, logic các vấn đề từ đơn giản đến phức tạp trong hoạt động của một ngân hàng thương mại, đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của nhiều sinh viên và nhân viên ngân hàng.

Giáo trình này do TS. Nguyễn Thị Nguyệt Dung làm chủ biên, tham gia biên soạn là các giảng viên Bộ môn Tài chính ngân hàng - Khoa Quản lý kinh doanh - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, cụ thể như sau:

- TS. Nguyễn Thị Nguyệt Dung, biên soạn chương 4, 10;
- ThS. Bùi Thị Hạnh, biên soạn chương 3, 9;
- ThS. Phạm Thị Trúc Quỳnh biên soạn chương 5;
- ThS. Dương Thị Hoàn biên soạn chương 8;
- ThS. Nguyễn Thị Quyên biên soạn chương 7;
- ThS. Lương Thị Thanh biên soạn chương 1;
- ThS. Nguyễn Thị Thắm biên soạn chương 6;
- ThS. Trần Thị Hồng Thu biên soạn chương 11;
- ThS. Phạm Thị Hạnh biên soạn chương 2.

# MỤC LỤC

|                                                                                   |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Lời nói đầu                                                                       | 3         |
| <b>Chương 1:</b>                                                                  |           |
| <b>TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b>                                          | <b>11</b> |
| 1.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN HÀNG                               | 11        |
| 1.1.1. Lịch sử hình thành                                                         | 11        |
| 1.1.2. Quá trình phát triển                                                       | 12        |
| 1.2. KHÁI NIỆM, PHÂN LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI                                    | 13        |
| 1.2.1. Khái niệm                                                                  | 13        |
| 1.2.2. Các loại hình ngân hàng thương mại                                         | 14        |
| 1.3. CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI                                           | 17        |
| 1.3.1. Chức năng trung gian tín dụng                                              | 17        |
| 1.3.2. Chức năng trung gian thanh toán                                            | 18        |
| 1.3.3. Chức năng tạo tiền                                                         | 19        |
| 1.4. TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI                                     | 22        |
| 1.4.1. Bảng cân đối kế toán của ngân hàng thương mại                              | 22        |
| 1.4.2. Hoạt động nghiệp vụ của ngân hàng thương mại                               | 27        |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                                                    | 30        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                                                    | 30        |
| <b>Chương 2:</b>                                                                  |           |
| <b>NGUỒN VỐN VÀ QUẢN LÝ NGUỒN VỐN</b>                                             | <b>31</b> |
| 2.1. NGUỒN VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI                                           | 31        |
| 2.1.1. Nguồn vốn tự có                                                            | 32        |
| 2.1.2. Nguồn vốn huy động                                                         | 38        |
| 2.1.3. Nguồn vốn đi vay                                                           | 45        |
| 2.1.4. Các nguồn vốn khác                                                         | 47        |
| 2.2. QUẢN LÝ NGUỒN VỐN                                                            | 48        |
| 2.2.1. Sự cần thiết phải quản lý nguồn vốn của ngân hàng thương mại               | 48        |
| 2.2.2. Nội dung quản lý                                                           | 48        |
| 2.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá hoạt động tạo lập nguồn vốn của ngân hàng thương mại | 57        |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                                                    | 59        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                                                    | 60        |

|                                                                  |            |
|------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Chương 3:</b>                                                 |            |
| <b>NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN</b>                                    | <b>63</b>  |
| 3.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN               | 63         |
| 3.1.1. Khái niệm                                                 | 63         |
| 3.1.2. Vai trò                                                   | 64         |
| 3.2. NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI             | 65         |
| 3.2.1. Nhận tiền gửi                                             | 65         |
| 3.2.2. Phát hành giấy tờ có giá                                  | 69         |
| 3.2.3. Vay vốn tổ chức tín dụng khác và vay Ngân hàng Trung ương | 74         |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                                   | 76         |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                                   | 77         |
| <b>Chương 4:</b>                                                 |            |
| <b>TÀI SẢN VÀ QUẢN LÝ TÀI SẢN</b>                                | <b>79</b>  |
| 4.1. NỘI DUNG, ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC KHOẢN MỤC TÀI SẢN                | 79         |
| 4.1.1. Ngân quỹ                                                  | 79         |
| 4.1.2. Chứng khoán                                               | 81         |
| 4.1.3. Tín dụng                                                  | 82         |
| 4.1.4. Các tài sản khác                                          | 85         |
| 4.1.5. Các tài sản ngoại bảng                                    | 85         |
| 4.2. QUẢN LÝ TÀI SẢN                                             | 86         |
| 4.2.1. Khái niệm                                                 | 86         |
| 4.2.2. Mục tiêu                                                  | 86         |
| 4.2.3. Nội dung quản lý                                          | 87         |
| 4.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGUỒN VỐN VÀ TÀI SẢN                       | 96         |
| 4.3.1. Mối liên hệ sinh lời                                      | 96         |
| 4.3.2. Mối liên hệ an toàn                                       | 97         |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                                   | 97         |
| CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP                                        | 98         |
| <b>Chương 5:</b>                                                 |            |
| <b>NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG</b>                                        | <b>101</b> |
| 5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ TÍN DỤNG NGÂN HÀNG                    | 101        |
| 5.1.1. Khái niệm                                                 | 101        |
| 5.1.2. Đặc điểm                                                  | 102        |

|                                                                           |            |
|---------------------------------------------------------------------------|------------|
| 5.1.3. Vai trò                                                            | 103        |
| 5.1.4. Một số hình thức cấp tín dụng cơ bản                               | 104        |
| 5.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH LÃI SUẤT CHO VAY                            | 115        |
| 5.3. QUY TRÌNH TÍN DỤNG                                                   | 120        |
| 5.3.1. Ý nghĩa của việc thiết lập quy trình tín dụng                      | 120        |
| 5.3.2. Quy trình tín dụng cơ bản                                          | 121        |
| 5.4. BẢO ĐẢM TÍN DỤNG                                                     | 130        |
| 5.4.1. Bảo đảm tín dụng bằng tài sản thế chấp                             | 130        |
| 5.4.2. Bảo đảm tín dụng bằng tài sản cầm cố                               | 131        |
| 5.4.3. Bảo đảm tín dụng bằng bảo lãnh                                     | 132        |
| 5.4.4. Bảo đảm tín dụng bằng tài sản hình thành từ vốn vay                | 133        |
| 5.5. PHÂN TÍCH TÍN DỤNG                                                   | 133        |
| 5.5.1. Khái niệm                                                          | 133        |
| 5.5.2. Mục tiêu của phân tích tín dụng                                    | 134        |
| 5.5.3. Nguồn thông tin để phân tích tín dụng                              | 135        |
| 5.5.4. Nội dung phân tích tín dụng cơ bản                                 | 136        |
| 5.6. CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG                                                  | 142        |
| 5.6.1. Vai trò của chính sách tín dụng                                    | 142        |
| 5.6.2. Các nhân tố ảnh hưởng của chính sách tín dụng                      | 143        |
| 5.6.3. Nội dung cơ bản của chính sách tín dụng                            | 144        |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                                            | 149        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                                            | 150        |
| <b>Chương 6:</b>                                                          |            |
| <b>NGHIỆP VỤ ĐẦU TƯ</b>                                                   | <b>151</b> |
| 6.1. KHÁI NIỆM, MỤC ĐÍCH CỦA NGHIỆP VỤ ĐẦU TƯ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI    | 151        |
| 6.2. CÁC HÌNH THỨC ĐẦU TƯ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI                        | 153        |
| 6.2.1. Đầu tư vào doanh nghiệp                                            | 153        |
| 6.2.2. Đầu tư vào chứng khoán                                             | 158        |
| 6.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI | 163        |
| 6.3.1. Tỷ suất lợi nhuận dự kiến                                          | 163        |
| 6.3.2. Tác động của thuế                                                  | 164        |
| 6.3.3. Các loại rủi ro                                                    | 164        |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                                            | 165        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                                            | 166        |

## **Chương 7:**

|                                                                            |            |
|----------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI TỆ VÀ NGÂN HÀNG QUỐC TẾ</b>                  | <b>167</b> |
| <b>7.1. NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG QUỐC TẾ</b>                                    | <b>167</b> |
| 7.1.1. Lịch sử phát triển của ngân hàng quốc tế                            | 167        |
| 7.1.2. Khái niệm và đặc điểm                                               | 168        |
| 7.1.3. Các rủi ro thường gặp trong nghiệp vụ ngân hàng quốc tế             | 171        |
| 7.1.4. Một số nghiệp vụ ngân hàng quốc tế chủ yếu                          | 174        |
| <b>7.2. NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI TỆ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b>         | <b>181</b> |
| 7.2.1. Những vấn đề cơ bản trong kinh doanh ngoại tệ                       | 181        |
| 7.2.2. Nội dung của nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ của ngân hàng thương mại | 187        |
| <b>7.3. TỔ CHỨC MỘT NGÂN HÀNG Ở NƯỚC NGOÀI</b>                             | <b>204</b> |
| 7.3.1. Văn phòng đại diện                                                  | 204        |
| 7.3.2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trọn gói                   | 205        |
| 7.3.3. Ngân hàng con ở nước ngoài                                          | 205        |
| 7.3.4. Ngân hàng liên doanh                                                | 205        |
| 7.3.5. Liên minh ngân hàng                                                 | 206        |
| <b>TÓM TẮT CHƯƠNG</b>                                                      | <b>206</b> |
| <b>CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP ÔN TẬP</b>                                           | <b>206</b> |

## **Chương 8:**

|                                                            |            |
|------------------------------------------------------------|------------|
| <b>CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG TRUNG GIAN</b>                  | <b>209</b> |
| <b>8.1. NGHIỆP VỤ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT</b>       | <b>209</b> |
| 8.1.1. Thanh toán bằng Séc                                 | 209        |
| 8.1.2. Thanh toán bằng ủy nhiệm chi - Lệnh chi             | 210        |
| 8.1.3. Thanh toán bằng ủy nhiệm thu - Nhờ thu              | 211        |
| 8.1.4. Thanh toán bằng thư tín dụng                        | 212        |
| 8.1.5. Thanh toán bằng thẻ ngân hàng (thẻ thanh toán)      | 212        |
| <b>8.2. DỊCH VỤ ỦY THÁC</b>                                | <b>214</b> |
| 8.2.1. Ủy thác thanh toán lương qua tài khoản              | 214        |
| 8.2.2. Ủy thác thanh toán theo hóa đơn                     | 215        |
| <b>8.3. DỊCH VỤ QUẢN LÝ NGÂN QUỸ</b>                       | <b>216</b> |
| 8.3.1. Dịch vụ bảo quản tài sản quý, giấy tờ có giá        | 216        |
| 8.3.2. Dịch vụ cho thuê két                                | 217        |
| 8.3.3. Thu đổi tiền ngoại tệ không đủ tiêu chuẩn lưu thông | 219        |
| 8.3.4. Thu đổi tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông          | 220        |
| 8.3.5. Thu giữ hộ tiền mặt qua đêm                         | 222        |

|                                                      |     |
|------------------------------------------------------|-----|
| 8.3.6. Thu tiền theo túi niêm phong                  | 223 |
| 8.3.7. Thu/chi tiền mặt lưu động tại địa chỉ cá nhân | 224 |
| 8.4. NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN                  | 225 |
| 8.5. DỊCH VỤ TƯ VẤN                                  | 226 |
| 8.6. DỊCH VỤ BẢO HIỂM                                | 227 |
| 8.6.1. Bảo hiểm ô tô                                 | 228 |
| 8.6.2. Bảo hiểm du lịch                              | 228 |
| 8.6.3. Bảo hiểm toàn diện nhà tư nhân                | 229 |
| 8.6.4. Bảo hiểm tai nạn con người 24/24              | 229 |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                       | 230 |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                       | 230 |

## **Chương 9:**

|                                                              |            |
|--------------------------------------------------------------|------------|
| <b>NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG HIỆN ĐẠI</b>                          | <b>231</b> |
| 9.1. NGHIỆP VỤ CHỨNG KHOÁN HÓA                               | 231        |
| 9.1.1. Khái niệm chứng khoán hóa                             | 231        |
| 9.1.2. Lợi ích của chứng khoán hóa                           | 232        |
| 9.1.3. Danh mục tài sản ngân hàng có thể chứng khoán hóa     | 235        |
| 9.1.4. Các loại chứng khoán hóa                              | 235        |
| 9.1.5. Rủi ro của chứng khoán hóa                            | 238        |
| 9.2. NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ                             | 239        |
| 9.2.1. Khái niệm nghiệp vụ ngân hàng điện tử                 | 239        |
| 9.2.2. Các hình thái phát triển ngân hàng điện tử            | 241        |
| 9.2.3. Các dịch vụ ngân hàng điện tử                         | 242        |
| 9.2.4. Vai trò và tính ưu việt của dịch vụ ngân hàng điện tử | 245        |
| TÓM TẮT CHƯƠNG                                               | 250        |
| CÂU HỎI ÔN TẬP                                               | 250        |

## **Chương 10:**

|                                                                   |            |
|-------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>QUẢN TRỊ RỦI RO</b>                                            | <b>251</b> |
| 10.1. RỦI RO TRONG KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI            | 251        |
| 10.1.1. Các loại rủi ro trong kinh doanh của ngân hàng thương mại | 251        |
| 10.1.2. Ảnh hưởng của rủi ro đối với ngân hàng                    | 256        |
| 10.2. QUẢN TRỊ RỦI RO                                             | 257        |
| 10.2.1. Khái niệm                                                 | 257        |
| 10.2.2. Quản trị rủi ro tín dụng                                  | 258        |

|                                                              |            |
|--------------------------------------------------------------|------------|
| 10.2.3. Quản trị rủi ro lãi suất                             | 266        |
| 10.2.4. Quản trị rủi ro thanh khoản                          | 274        |
| 10.2.5. Quản trị rủi ro tỷ giá                               | 283        |
| <b>TÓM TẮT CHƯƠNG</b>                                        | 289        |
| <b>CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ BÀI TẬP</b>                             | 290        |
| <br>                                                         |            |
| <b>Chương 11:</b>                                            |            |
| <b>PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</b> | <b>293</b> |
| 11.1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH              | 293        |
| 11.1.1. Mục tiêu của phân tích kết quả kinh doanh            | 293        |
| 11.1.2. Phương pháp phân tích                                | 294        |
| 11.1.3. Kết quả và lựa chọn kết quả kinh doanh               | 294        |
| 11.1.4. Đánh giá kết quả phân tích                           | 295        |
| 11.1.5. Nội dung phân tích                                   | 296        |
| 11.1.6. Tài liệu phân tích                                   | 296        |
| 11.2. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KINH DOANH                           | 298        |
| 11.2.1. Vốn tự có                                            | 298        |
| 11.2.2. Chất lượng tài sản                                   | 301        |
| 11.2.3. Năng lực quản lý                                     | 308        |
| 11.2.4. Thu nhập                                             | 309        |
| 11.2.5. Khả năng thanh toán                                  | 314        |
| 11.2.6. Độ nhạy với rủi ro thị trường                        | 318        |
| 11.3. XẾP LOẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI                          | 324        |
| <b>TÓM TẮT CHƯƠNG</b>                                        | 328        |
| <b>CÂU HỎI ÔN TẬP</b>                                        | 328        |

## Chương 1

# TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

Ngân hàng thương mại là một trong những trung gian tài chính quan trọng nhất trên thị trường tài chính. Sự hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng thương mại có tác động rất lớn đến sự phát triển của nền kinh tế. Hoạt động của ngân hàng thương mại không chỉ đem lại lợi nhuận cho bản thân các ngân hàng, mà còn mang lại lợi ích cho các chủ thể khác như người gửi tiền, người vay tiền và lợi ích cho toàn xã hội. Chương này sẽ giúp chúng ta hiểu được khái niệm, chức năng và những hoạt động của các định chế tài chính này.

## 1.1. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN HÀNG

### 1.1.1. Lịch sử hình thành

Hoạt động của ngành ngân hàng ra đời và phát triển cùng với sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa. Quá trình hình thành và phát triển của hệ thống ngân hàng cho tới nay đã kéo dài hàng nghìn năm.

Hình thức ngân hàng sơ khai bắt đầu hoạt động vào khoảng hơn 2.000 năm trước Công nguyên. Thuật ngữ “ngân hàng” trong tiếng Pháp cổ là “*Banque*” và tiếng Ý là “*Banca*”. Hai thuật ngữ này dùng để chỉ “*cái ghế dài*” hay “*bàn của người đổi tiền*”. Nghiệp vụ ban đầu của ngành ngân hàng là nhận giữ tiền vàng và các tài sản có giá trị. Khi khách hàng đến gửi tiền phải mất một khoản phí nhất định gọi là phí gửi tiền, đồng thời được nhận một tờ biên lai làm căn cứ xác nhận quyền sở hữu, gọi là kỳ phiếu hay giấy nhận nợ. Có thể minh họa một nghiệp vụ nhận tiền gửi của một ngân hàng sơ khai như sau:

Giả sử khách hàng đến ngân hàng gửi 100 đơn vị tiền tệ. Khi đó, ngân hàng chưa có bất kỳ hoạt động nào về việc sử dụng số tiền gửi của khách hàng mà chỉ nhận gửi tiền và thu phí dịch vụ. Số tiền gửi của khách hàng vẫn